

Số: 188/2026/QĐST- HNGĐ

Hà Nội, ngày 13 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 116/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hà Nội giữa:

- Nguyên đơn: chị T V A, sinh năm 1985; Căn cước công dân số 02718500..... cấp ngày 10/01/2025 tại Bộ công an; NKTT: Tổ A phường P, thành phố Hà Nội; Nơi ở hiện tại: nhà số A hẻm B Ng V L, tổ Z phường P, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: anh P V G, sinh năm 1978; Căn cước công dân số: 001078047525 cấp ngày 10/7/2021 tại cục cảnh sát QLHC về TTXH; Nơi cư trú: Tổ A phường P, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 02 năm 2026.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 02 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T V A và anh P V G.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Chị T V A và anh P V G có 03 con chung P Ph T sinh ngày 18/9/2013, P N P Tr sinh ngày 15/12/2015 và P K L sinh ngày 17/9/2022. Khi ly hôn, giao con chung P Ph T và P K L cho chị T V A trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung P N P Tr cho anh Giáp trực tiếp nuôi dưỡng; Anh G cấp dưỡng nuôi con chung cho chị V A mỗi con mức 3.500.000 đồng/tháng kể từ thời điểm ly hôn đến khi con chung

thành niên hoặc có thay đổi khác và chị V A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh G từ thời điểm ly hôn đến khi con chung thành niên hoặc có thay đổi khác.

2.2 *Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng*: chị T V A và anh P V G thống nhất thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung vợ chồng, xác nhận vợ chồng không có nợ chung.

2.3 *Về án phí*: Chị T V A tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và anh P V G chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm. Chị T V A tự nguyện nộp thay anh P V G tiền án phí mà anh P V G phải nộp. Tổng số tiền án phí chị T V A phải nộp là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai ký hiệu BLTU/26E số 0001946 ngày 22/01/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội, xác nhận chị T V A đã nộp xong án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- VKSND KV 5 - Hà Nội;
- Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;
- UBND phường P - nay là Phường P - tp Hà Nội.  
(Số ĐKKH: 68 ngày 26/10/2012)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Vũ Thị Hương**